

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SY
TỈNH QT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **252/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 15 tháng 8 năm 2023
Về: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SY, TỈNH QT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tiến Hào và ông Nguyễn Duy Chung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện SY, tỉnh QT.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện SY, tỉnh QT tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện SY, tỉnh QT xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 100/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **LTD**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn A, xã KP, thành phố QT, tỉnh QT. *Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

- *Bị đơn:* Anh **LĐN**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn L, xã MB, huyện SY, tỉnh QT; Hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh QT. *Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị LTD trình bày:

Chị và anh **LĐN** kết hôn với nhau vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã MB, huyện SY, tỉnh QT vào ngày 01/7/2016. Sau khi kết hôn hai vợ chồng ở chung với mẹ anh N tại Thôn L, xã MB, huyện SY. Quá trình chung sống hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau; ngoài ra anh N còn nghiện ma túy, không chịu khó làm ăn đến năm 2022 phải đi chấp hành việc cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh QT, hai vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị D vẫn giữ nguyên quan điểm, xác định

mâu thuẫn giữa chị và anh N đến nay đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh LĐN theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh LĐN có 01 con chung là cháu: LKN, sinh ngày 26/7/2016, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu LKN, không đề nghị anh N cấp dưỡng nuôi con chung, vì hiện nay anh N đang chấp hành việc cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh QT nên sẽ không đảm bảo điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh LĐN không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh LĐN không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh LĐN; nhiều lần trực tiếp làm việc với anh LĐN tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh QT nhưng anh N không cung cấp lời khai cho Tòa án với lý do hiện nay đang cai nghiện, chữa bệnh sức khỏe và tinh thần chưa ổn định. Tại đơn đề nghị ngày 12/4/2023 và đơn xin ra hạn ngày 21/4/2023 do anh N viết gửi đến Tòa án anh N có xác định chị D là vợ anh, giữa anh và chị D có 01 con chung là cháu LKN, anh không nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án hoãn việc giải quyết ly hôn cho đến khi anh chấp hành việc cai nghiện bắt buộc xong. Theo cung cấp của đại diện Thôn L, xã MB, huyện SY và mẹ đẻ của anh N là bà Phạm Thị Loan thì việc chị D và anh N kết hôn với nhau như chị D đã trình bày là đúng thực tế. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống tại Thôn L, xã MB, huyện SY, tỉnh QT. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, anh N có sử dụng chất ma túy, hiện nay phải đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy, thực tế hai vợ chồng đã sống ly thân từ lâu; về con chung hai vợ chồng có 01 con chung là cháu LKN, sinh ngày 26/7/2016. Theo cung cấp của Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh QT anh LĐN cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện từ ngày 19/9/2022 với thời gian cai nghiện 15 tháng, việc cai nghiện thực hiện theo 05 quy trình, hiện nay anh N đang điều trị ở giai đoạn 4 chuẩn bị bước sang giai đoạn 5 hòa nhập cộng đồng, quá trình cai nghiện anh N thực hiện tốt việc cai nghiện, sinh hoạt, học tập bình thường. Chính quyền địa phương, Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh QT cũng như mẹ đẻ anh N bà Phạm Thị Loan xác nhận từ trước đến nay anh N không có tiền sử, không có biểu hiện gì và không bị mắc bệnh gì về thần kinh, trước khi đi cai nghiện ma túy anh N vẫn ăn ở, sinh hoạt như một người bình thường.

Tại phiên tòa anh N vắng mặt, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh N trình bày lý do không có mặt tại phiên tòa vì: Chưa chấp hành xong thời gian cai nghiện bắt buộc, là học viên của Cơ sở cai nghiện nên bị hạn chế một số quyền do vậy anh N không muốn có mặt tại Tòa án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện SY phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố

tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định; nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS; tại phiên tòa HĐXX, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

- Về hướng giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị LTD xữ cho chị LTD được ly hôn với anh LĐN.

+ Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu LKN, sinh ngày 26/7/2016 cho chị LTD trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị LTD phải chịu án phí dân sự ly hôn theo quy định; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Về việc giao nộp tài liệu chứng cứ: Nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án gồm: Đơn khởi kiện; Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); Căn cước công dân của đương sự (bản phô tô); Giấy khai sinh của con chung (Bản sao); Giấy xác nhận thông tin về cư trú.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của nguyên đơn; tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tiến hành xác minh tại Thôn L, xã MB; xác minh tại Thôn A, xã KP, thành phố QT; xác minh tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh QT; xác minh với bà Phạm Thị Loan.

Chị LTD có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án; anh N không làm việc với Tòa án tại các buổi làm việc nên Tòa án chỉ tiến hành Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải; các đương sự chưa thống nhất được việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị LTD và anh LĐN kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND MB, huyện SY, tỉnh QT là hôn nhân hợp pháp; chị LTD khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh N và đề nghị giải quyết việc giao nuôi con chung khi ly hôn nên xác định đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; bị đơn anh LĐN có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã MB, huyện SY, tỉnh QT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện SY, tỉnh QT theo

quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhiều lần tiến hành làm việc với anh LĐN nhưng không cung cấp lời khai cho Tòa án, anh N có đơn đề nghị Tòa án xem xét hoãn lại thời gian giải quyết vụ án cho đến khi anh chấp hành việc cai nghiện xong, tuy nhiên lý do anh N đưa ra là không có căn chấp nhận theo quy định của pháp luật; chính quyền địa phương, Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh QT cũng như mẹ đẻ anh N bà Phạm Thị Loan đều xác nhận từ trước đến nay anh N không có tiền sử, không có biểu hiện gì và không bị mắc bệnh gì về thần kinh, trước và trong khi đi cai nghiện ma túy anh N vẫn ăn ở, sinh hoạt như một người bình thường, tuy anh N chấp hành việc cai nghiện ma túy nhưng hiện nay đã thực hiện gần xong quy trình cai nghiện chuẩn bị bước sang giai đoạn hòa nhập cộng đồng, sức khỏe, nhận thức hoàn toàn bình thường; việc anh N không cung cấp lời khai là cố tình trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa chỉ D và anh N đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[2.1] Về hôn nhân:

Căn cứ lời khai của đương sự; kết quả xác minh, thu thập chứng cứ có cơ sở xác định: Chị LTD và anh LĐN kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã MB là hôn nhân hợp pháp, đúng thực tế. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn. Chị D xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, không thể chung sống với nhau được nữa, hai vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế; quá trình giải quyết vụ án anh N không cung cấp lời khai cho Tòa án nên không xác định được ý kiến của anh N về việc ly hôn, từ khi anh N đi cai nghiện bắt buộc chị D và anh N không gặp nhau, không quan tâm gì đến nhau; như vậy có căn cứ xác định giữa chị D và anh N đã không còn tình nghĩa vợ chồng với nhau; không giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt mà người nào chỉ biết bổn phận của người đó, bỏ mặc nhau sống ra sao thì sống, trên thực tế cuộc sống hôn nhân không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị D. Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị LTD được ly hôn với anh LĐN.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, giữa chị LTD và anh LĐN có 01 con chung là cháu: LKN, sinh ngày 26/7/2016, chị D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu LKN không đề nghị anh N cấp dưỡng nuôi con; anh N không nhất trí cho chị D nuôi con.

Theo kết quả xác minh tại Thôn L, xã MB; xác minh tại Thôn A, xã KP, thành phố QT, thể hiện: Hiện nay chị D có chỗ ở ổn định, chị D làm công nhân mức thu nhập từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng; chị D đảm bảo về điều kiện chỗ ở cũng

nghu như kinh tế để nuôi con chung. Đối với anh LĐN hiện nay đang chấp hành việc cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh QT nên không đảm bảo điều kiện trực tiếp nuôi con được; mặt khác ý kiến của con chung là LKN cũng có nguyện vọng được ở cùng chị D.

Do vậy, để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cũng như sự phát triển toàn diện của cháu LKN cần giao con chung cho chị LTD trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với thực tế. Do chị D không đề nghị anh N cấp dưỡng nên anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung; nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị LTD phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định, anh LĐN không phải chịu án phí; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của chị LTD với anh LĐN.

1. Về hôn nhân: Cho chị LTD được ly hôn với anh LĐN. Quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh N chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu LKN, sinh ngày 26/7/2016 cho chị LTD trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các đương sự được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị LTD phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0006239, ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện SY, chị D đã nộp đủ tiền án phí.

Anh LDN không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QT;
- VKSND tỉnh QT;
- VKSND huyện SY;
- Chi cục THADS huyện SY;
- UBND xã MB (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mạnh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Huệ

Lộc Thị Kim Thơm

Vũ Mạnh Hồng

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh QT;
- VKSND huyện Na Hang;
- UBND Khâu Tinh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Ngọc Thúc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Quang Toán

Đỗ Mai Sơn

Triệu Ngọc Thức

.

